

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vĩnh Phúc, ngày tháng 9 năm 2021

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 1 THÁNG
(Từ ngày 16 tháng 8 đến ngày 15 tháng 9 năm 2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tháng trời nắng nhẹ, có mưa rào rải rác và dông kèm gió giật mạnh. Tổng lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 470 mm (thấp hơn CKNT).

Nhiệt độ trung bình 29,6⁰C (thấp hơn CKNT), cao nhất 36⁰C, thấp nhất 24⁰C;

Ẩm độ trung bình 75 - 91% (xấp xỉ CKNT);

Tổng số giờ nắng tháng đạt 285 - 310 giờ (cao hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ mùa 2021 là: 31.437,3 ha, trong đó:

- Lúa mùa: 23.890,2 ha (chín - thu hoạch).

- Ngô: 1.655,4 ha (thu hoạch).

- Đậu tương: 146,1 ha (quả chắc - thu hoạch).

- Lạc: 478,7 ha (củ chắc).

- Khoai lang: 185,3 ha (củ).

- Rau: 2.455,3 ha (các giai đoạn).

- Cây khác: 3.156,1 ha (các giai đoạn).

Nhận xét: Thời tiết trong tháng nắng nóng, mưa rào rải rác, cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Sâu, bệnh phát sinh, phát triển gây hại nhẹ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TỪ NGÀY 16/8 - 15/9/2021

1. Trên cây lúa

- Sâu cuốn lá nhỏ lúa 6 gây hại rải rác, mật độ phổ biến 2 - 3 con/m², cao 10 - 15 con/m², cục bộ > 20 con/m² (Yên Lạc).

- Sâu đục thân 2 chấm lúa 4 gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại bông bạc phổ biến 0,2 - 0,4%, cao 1 - 2%, cục bộ 5 - 7% (Sông Lô, Tam Đảo, Phúc Yên).

- Rầy nâu gây hại rải rác, mật độ phổ biến 70 - 100 con/m², cao 200 - 300 con/m², cục bộ 700 con/m² (Vĩnh Tường).

- Bệnh khô vằn gây hại rải rác tỷ lệ danh hại phổ biến 4 - 5%, cao 20 - 30%, cục bộ >40% (Phúc Yên, Vĩnh Tường, Bình Xuyên).

- Bệnh bạc lá gây hại rải rác, tỷ lệ lá hại phổ biến 1 - 2%, cao 15 - 20%, cục bộ 30 - 40% (Yên Lạc, Tam Dương).

- Đốm sọc vi khuẩn gây hại rải rác tỷ lệ lá hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 10 - 15%, cục bộ 25 - 30% (Bình Xuyên)

- Chuột gây hại rải rác, tỷ lệ đánh hại phổ biến 0,4 - 0,7%, cao từ 2 - 4%, cục bộ >10% (Phúc Yên, Bình Xuyên).

2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại nhẹ ngô vụ thu đông giai đoạn cây con. Mật độ phổ biến 0,5 - 1 con/m², cao 2 - 3 con/m²; cục bộ 5 - 7 con/m² (Yên Lạc, Vĩnh Tường).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại rải rác, mật độ phổ biến 1 - 2 con/m², cao 5 - 10 con/m² (Phúc Yên).

- Trên cây dưa chuột: Bệnh sương mai gây hại rải rác, tỷ lệ lá hại phổ biến 2 - 3 %, cao 6 - 8%; bệnh héo xanh gây hại cục bộ, tỷ lệ cây hại phổ biến từ 0,1 - 1,5%.

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Sâu đục cuống quả vải, bọ xít gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại với mật độ thấp.

4. Diện tích nhiễm sâu bệnh

Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh, chuột hại trong tháng: 1.862 ha (thấp hơn CKNT). Trong đó diện tích nhiễm nhẹ 1.451,7 ha (thấp hơn CKNT), diện tích nhiễm trung bình 314,3 ha (thấp hơn CKNT), diện tích nhiễm nặng 96,0 ha (cao hơn CKNT). Diện tích được phòng trừ 1.910,0 ha (thấp hơn CKNT)

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TỪ NGÀY 16/9 - 15/10/2021

1. Trên lúa Mùa: Lúa thu hoạch hết diện tích.

2. Trên cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu, chuột, bệnh đốm lá phát sinh, phát triển gây hại nhẹ - trung bình.

- Trên rau họ thập tự: Sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy tiếp tục gây hại rải rác; bệnh thối nhũn, bệnh sương mai gây hại cục bộ.

Ngoài ra, sâu đục quả, rệp hại đậu trạch; Bọ trĩ, bệnh phấn trắng hại cục bộ trên cây bí đỏ, bí xanh. Sâu xanh, bệnh khô lá, bệnh thối gốc hành hại cục bộ.

3. Trên cây ăn quả: Nhện lông nhung, bọ xít hại cục bộ cây nhãn, vải; bệnh thán thư hại xoài.

4. Trên cây lâm nghiệp: Sâu róm, sâu ăn lá tiếp tục hại nhẹ thông, keo.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố tăng cường phối hợp chặt chẽ với phòng Nông nghiệp & PTNT (Kinh tế), trạm Khuyến nông trên địa bàn đơn đốc UBND các xã, phường, thị trấn, HTX dịch vụ nông nghiệp tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn nông dân thực hiện:

- Khẩn trương thu hoạch những diện tích lúa đã chín với phương châm “xanh nhà hơn già đồng”. Thực hiện vệ sinh đồng ruộng, áp dụng biện pháp làm bầu và làm đất tối thiểu để tranh thủ thời vụ gieo trồng cây vụ Đông sớm, nhất là những cây ưa ẩm theo đúng khung lịch thời vụ của tỉnh.

- Đảm bảo nước tưới và chăm sóc tốt cây rau, màu. Khi có sinh vật gây hại đến ngưỡng cần khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc để phun phòng chống, đảm bảo thời gian cách ly khi phun thuốc BVTV và an toàn cho người sử dụng, ít ảnh hưởng đến môi trường.

- Thực hiện thường xuyên các biện pháp thủ công: Bắt sâu non các loại sâu, bẫy bắt chuột để hạn chế chúng gia tăng mật độ hại trên diện rộng. Sử dụng bẫy màu vàng diệt bọ phấn, bọ trĩ; bẫy bả chua ngọt diệt trưởng thành sâu khoang, sâu xám trên cây rau, màu nhằm hạn chế sâu bệnh phát sinh gây hại cây trồng.

2. Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân tích cực áp dụng các biện pháp IPM, SRI, VietGAP để cây trồng sinh trưởng, phát triển khỏe, chống chịu tốt với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận và sinh vật gây hại, đây là tiền đề cho năng suất cao.

3. Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 1 tháng từ ngày 16/8 - 15/9/2021, Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN & PTNT (b/c);
- Trung tâm BVTV phía Bắc;
- UBND các huyện, thành, thị ;
- Trung tâm TTNT&PTNT;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Kèm theo Thông báo số /TB-CCTT&BVTV, ngày /9/2021 của Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Trên lúa mùa sớm	Thu hoạch	Sâu cuốn lá nhỏ	Con/m ²	10	40		15,3	15	0,3			-69,7	25,3	Rải rác
		Sâu đục thân 2 chấm	%DH, BB	3,4	7	11	99,5	95,5	4			-208,5	119,5	Rải rác
			ồ trứng/m ²	0,2	0,5	0,7	5	3	1	1			5	Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	13,2	28,3	50,3	1.614	1.234	290	90		-413	1.645	Rộng
		Đốm sọc VK	%LH	13,3			7	6	1			-127,5	10	Rải rác
		Bạc lá	%LH	16,1	37		29,2	23,2	6			+23,4	29	Rải rác
		Chuột	%CH	3	6,5		83	68	10	5		-28,5	68	Rải rác
Cây ngô	Cây con - PTTL	Sâu keo mùa thu	Con/m ²	2,7	6		9	7	2			+4	9	Rải rác
Cây dưa chuột	PTTL - thu hoạch	Bệnh sương mai	%LH	13			2	2				+2	2	Cục bộ
Tổng DT nhiễm SB							1.862	1.451,7	314,3	96			1.910,8	

Ghi chú: GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; KH: Khóm hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS. Đặng Thị Lương.